

Số: 377/QĐ-CĐBP

Bình Phước, ngày 09 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học sinh tốt nghiệp
trình độ Trung cấp, khối giáo dục nghề nghiệp đợt 2 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-CĐBP ngày 22/5/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-CĐBP ngày 16/7/2020 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành quy định tổ chức thi và xét công nhận tốt nghiệp đối với người học tại Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-CĐBP ngày 31/7/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước về việc thi tốt nghiệp đợt 2, khối Giáo dục nghề nghiệp khóa 21 - Hệ trung cấp;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 05/10/2023 về việc xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho học sinh trình độ Trung cấp, khối Giáo dục nghề nghiệp đợt 2 năm 2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 58 học sinh tốt nghiệp trình độ Trung cấp, khối Giáo dục nghề nghiệp đợt 2 năm 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh được cấp Giấy chứng tốt nghiệp tạm thời sau khi được công nhận tốt nghiệp.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và học sinh có tên trong danh sách ghi tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *T. T. Tâm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Niêm yết bảng tin;
- Đăng Website;
- Lưu: VT, PĐT, N.T.Tâm.



Nguyễn Bích Liên

**ĐANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP KHỐI GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM 2023**

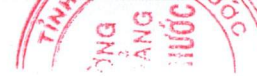
(Kèm theo Quyết định số 377/QĐ-CĐBP ngày 09/10/2023 của Trường Cao đẳng Bình Phước)

| TT | Mã HS | Họ và tên HS | | Nữ | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm TB toàn khóa | Điểm thi TN | | | Đánh giá TN | | Xếp loại rèn luyện | Ghi chú |
|-----------|---|---------------|--------|----|------------|------------|-------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|-------------|---|---------|
| | | | | | | | | Chính trị | Lý thuyết nghề | Thực hành nghề | Điểm TBTN | Xếp loại TN | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| I | Lớp 21T2CGK.A + Khóa trước (18T2CGK.A) | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2CGK03 | Đào Văn | Đức | | 09/10/2005 | Bình Phước | 6.5 | 6.0 | 7.5 | 7.0 | 6.8 | TB khá | Tốt | |
| 2 | 21T2CGK07 | Vũ Bảo | Long | | 02/01/2006 | Bình Phước | 6.7 | 7.5 | 8.5 | 7.5 | 7.3 | Khá | Tốt | |
| 3 | 21T2CGK08 | Nguyễn Thanh | Lộc | | 06/11/2006 | Bình Phước | 7.1 | 8.0 | 8.0 | 7.5 | 7.4 | Khá | Tốt | |
| 4 | 21T2CGK10 | Nguyễn Văn | Nhật | | 30/05/2006 | Bình Phước | 6.7 | 7.5 | 7.5 | 7.0 | 6.9 | TB khá | Tốt | |
| 5 | 21T2CGK11 | Lê Thanh | Phong | | 09/11/2003 | Bình Phước | 7.9 | 8.5 | 8.5 | 8.0 | 8.0 | Giỏi | Xuất sắc | |
| 6 | 21T2CGK12 | Nguyễn Văn | Phúc | | 02/06/2005 | Bình Phước | 6.8 | 8.5 | 8.5 | 8.0 | 7.5 | Khá | Tốt | |
| 7 | 21T2CGK14 | Nguyễn Bảo Tô | Sáng | | 28/11/2006 | Sóc Trăng | 7.0 | 8.5 | 8.0 | 7.5 | 7.3 | Khá | Tốt | |
| 8 | 21T2CGK16 | Lê Đức | Thành | | 02/02/2006 | Thanh Hóa | 6.6 | 8.0 | 9.0 | 7.0 | 7.1 | Khá | Tốt | |
| 9 | 21T2CGK18 | Nguyễn Trọng | Tín | | 21/10/2005 | Bình Phước | 6.9 | 8.0 | 8.5 | 7.0 | 7.2 | Khá | Tốt | |
| 10 | 18T2CGK17 | Phạm Phú Phi | Phương | | 05/04/2000 | Bình Dương | 7.6 | 8.0 | 8.5 | 8.0 | 7.9 | Khá | Đã có xác nhận của địa phương không vi phạm kỷ luật | |
| II | Lớp 21T2ĐCN.A | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2ĐCN08 | Trần nguyên | Khang | | 13/10/2006 | Bình Phước | 6.4 | 8.0 | 5.5 | 6.5 | 6.3 | TB khá | Tốt | |

Muu

| TT | Mã HS | Họ và tên HS | | Nữ | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm TB toàn khóa | Điểm thi TN | | | Đánh giá TN | | Xếp loại rèn luyện | Ghi chú |
|------------|----------------------|--------------------|--------|----|------------|------------|-------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|-------------|--------------------|--|
| | | | | | | | | Chính trị | Lý thuyết nghề | Thực hành nghề | Điểm TBTN | Xếp loại TN | | |
| 2 | 21T2ĐCN10 | Triệu Thành | Phát | | 28/12/2006 | Đồng Nai | 6.1 | 8.0 | 6.0 | 9.0 | 7.1 | Khá | Khá | |
| 3 | 21T2ĐCN12 | Lê Quốc | Phúc | | 27/08/2006 | Bình Dương | 7.8 | 8.0 | 7.0 | 10.0 | 8.4 | Khá | Xuất sắc | Thi lại môn Tiếng anh |
| 4 | 21T2ĐCN14 | Phạm Thái Anh | Son | | 01/04/2006 | Hà Tĩnh | 7.6 | 6.5 | 7.0 | 10.0 | 8.3 | Khá | Tốt | Thi lại môn pháp luật và học lại chính trị |
| 5 | 21T2ĐCN15 | Mai Nguyễn Nam | Toại | | 17/06/1999 | Bình Phước | 7.3 | 8.0 | 6.0 | 9.0 | 7.7 | Khá | Tốt | |
| III | Lớp 21T2ĐTC.A | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2ĐTC02 | Nguyễn Văn | Chuong | | 21/05/2006 | Bình Phước | 7.1 | 5.0 | 7.5 | 8.0 | 7.5 | Khá | Tốt | |
| 2 | 21T2ĐTC04 | Nguyễn Tiến | Đạt | | 28/05/2006 | Bình Phước | 7.5 | 8.5 | 9.5 | 8.5 | 8.2 | Khá | Tốt | Thi lại môn Điện KT, học lại môn pháp luật |
| 3 | 21T2ĐTC06 | Hồ Hữu | Hiếu | | 03/11/2006 | Bình Phước | 7.0 | 8.0 | 9.5 | 8.0 | 7.8 | Khá | Xuất sắc | |
| 4 | 21T2ĐTC07 | Phạm Mạnh | Hòa | | 27/07/2006 | Thái Bình | 7.0 | 8.5 | 9.0 | 7.5 | 7.5 | Khá | Tốt | |
| 5 | 21T2ĐTC10 | Dương Đức | Mạnh | | 16/08/2006 | Bình Dương | 7.1 | 8.5 | 9.5 | 8.0 | 7.8 | Khá | Tốt | |
| 6 | 21T2ĐTC11 | Nguyễn Trần Phương | Nam | | 10/03/2006 | Bình Dương | 6.9 | 8.5 | 9.0 | 8.0 | 7.6 | Khá | Tốt | |
| 7 | 21T2ĐTC15 | Trần Minh | Thảo | | 14/04/2006 | Bình Phước | 6.7 | 8.5 | 9.5 | 7.5 | 7.4 | Khá | Tốt | |
| IV | Lớp 21T2INF.A | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2INF01 | Phạm Quốc | Anh | | 13/09/2004 | Bình Phước | 7.5 | 8.0 | 8.5 | 8.0 | 7.8 | Khá | Tốt | |
| 2 | 21T2INF02 | Trần Lê Quốc | Anh | | 02/02/2006 | Bình Phước | 7.6 | 8.0 | 10.0 | 6.5 | 7.6 | Khá | Tốt | |
| 3 | 21T2INF06 | Lương Thành | Dur | | 11/04/2005 | Sóc Trăng | 7.6 | 8.5 | 9.0 | 9.0 | 8.3 | Khá | Tốt | Thi lại môn CSDL |
| 4 | 21T2INF07 | Trương Trọng | Duy | | 16/11/2005 | Bình Thuận | 6.8 | 8.5 | 9.0 | 6.5 | 7.1 | Khá | Khá | |
| 5 | 21T2INF08 | Võ Nguyễn Hoàng | Duy | | 23/12/2006 | Bình Phước | 6.8 | 8.0 | 9.0 | 5.5 | 6.7 | TB khá | Khá | |
| 6 | 21T2INF09 | Nguyễn Minh | Đức | | 20/05/2005 | Bình Phước | 8.0 | 9.0 | 9.0 | 6.0 | 7.5 | Khá | Xuất sắc | |
| 7 | 21T2INF14 | Lê Thị Mỹ | Hạnh | x | 19/10/2006 | Bình Phước | 7.3 | 5.0 | 9.0 | 8.0 | 7.8 | Khá | Tốt | |

Handwritten signature



| TT | Mã HS | Họ và tên HS | | Nữ | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm TB toàn khóa | Điểm thi TN | | | Đánh giá TN | | Xếp loại rèn luyện | Ghi chú |
|-----------|----------------------|--------------------|--------|----|------------|------------|-------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|-------------|--------------------|---------------------------|
| | | | | | | | | Chính trị | Lý thuyết nghề | Thực hành nghề | Điểm TBTN | Xếp loại TN | | |
| 8 | 21T2INF15 | Dương Thị Mai | Hồng | x | 08/11/2006 | Bình Phước | 5.9 | 8.0 | 7.5 | 5.5 | 6.0 | TB khá | Khá | |
| 9 | 21T2INF17 | Trần Minh | Lộc | | 15/06/2006 | Bình Dương | 7.7 | 8.0 | 9.5 | 8.0 | 8.1 | Khá | Tốt | Thi lại môn CSDL |
| 10 | 21T2INF18 | Nguyễn Lê Trúc | Ly | x | 14/12/2006 | Bình Dương | 7.0 | 8.5 | 9.0 | 7.5 | 7.5 | Khá | Tốt | |
| 11 | 21T2INF21 | Nguyễn Hoài | Ngọc | x | 06/01/2006 | Bình Dương | 7.5 | 7.5 | 9.0 | 8.0 | 7.9 | Khá | Tốt | |
| 12 | 21T2INF22 | Đoàn Thị Thảo | Nguyễn | x | 04/10/2005 | Bình Phước | 7.3 | 7.0 | 9.0 | 8.5 | 8.0 | Giỏi | Tốt | |
| 13 | 21T2INF24 | Đào Thị Yên | Nhi | x | 04/05/2006 | Bình Phước | 7.3 | 7.5 | 9.5 | 7.5 | 7.7 | Khá | Tốt | |
| 14 | 21T2INF25 | Lưu Hoàng Xuân | Phương | x | 19/01/2006 | Bình Phước | 7.1 | 7.0 | 9.5 | 6.0 | 7.1 | Khá | Tốt | |
| 15 | 21T2INF27 | Nghiêm Xuân | Thành | | 28/05/2006 | Phú Thọ | 7.7 | 9.0 | 9.0 | 8.0 | 8.0 | Giỏi | Tốt | |
| 16 | 21T2INF30 | Cao Nguyễn Thị Bảo | Trần | x | 24/09/2003 | Bình Phước | 7.8 | 8.5 | 8.0 | 8.5 | 8.1 | Khá | Xuất sắc | Thi lại môn CSDL |
| 17 | 21T2INF33 | Lê Ngọc Yên | Vy | x | 27/05/2006 | Bình Phước | 7.8 | 8.5 | 9.5 | 8.0 | 8.2 | Giỏi | Tốt | |
| V | Lớp 21T2KDN.A | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2KDN01 | Đặng Thị Kim | Anh | x | 10/09/2003 | Bình Phước | 7.4 | 8.5 | 10.0 | 6.0 | 7.4 | Khá | Tốt | |
| 2 | 21T2KDN03 | Lục Thị Kim | Dung | x | 03/09/2006 | Bình Phước | 6.7 | 8.0 | 10.0 | 8.0 | 7.7 | Khá | Tốt | |
| 3 | 21T2KDN07 | Bùi Xuân | Hiền | | 08/08/2005 | Thanh Hóa | 7.0 | 8.0 | 10.0 | 6.0 | 7.2 | Khá | Tốt | |
| 4 | 21T2KDN08 | Nguyễn Thị Thanh | Hòa | x | 12/04/2006 | Bình Phước | 7.9 | 8.0 | 8.5 | 9.5 | 8.5 | Khá | Tốt | Thi lại môn Kinh tế vi mô |
| 5 | 21T2KDN09 | Phan Thị Thúy | Huỳnh | x | 12/04/2006 | Đồng Tháp | 7.2 | 8.5 | 9.0 | 8.0 | 7.8 | Khá | Tốt | |
| 6 | 21T2KDN10 | Nguyễn Thị Kim | Lan | x | 26/06/2006 | Bình Dương | 7.1 | 8.0 | 8.5 | 9.0 | 8.0 | Khá | Tốt | Thi lại môn Kinh tế vi mô |
| 7 | 21T2KDN13 | Chu Lan | Nhi | x | 18/09/2005 | Bình Phước | 6.6 | 8.0 | 9.0 | 5.0 | 6.5 | TB khá | Tốt | |
| 8 | 21T2KDN16 | Nguyễn Thị Hồng | Thắm | x | 20/12/2006 | Bình Dương | 6.7 | 8.0 | 9.5 | 8.0 | 7.6 | Khá | Tốt | |
| VI | Lớp 21T2OTO.A | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 21T2OTO08 | Phạm Minh | Hào | | 17/12/2006 | Bình Phước | 7.5 | 8.0 | 8.0 | 8.0 | 7.8 | Khá | Tốt | |
| 2 | 21T2OTO09 | Hà Thế | Hùng | | 15/03/2006 | Hung Yên | 7.3 | 8.0 | 7.0 | 8.0 | 7.5 | Khá | Tốt | |

Muu

| TT | Mã HS | Họ và tên HS | | Nữ | Ngày sinh | Nơi sinh | Điểm TB toàn khóa | Điểm thi TN | | | Đánh giá TN | | Xếp loại rèn luyện | Ghi chú |
|----|-----------|---------------|--------|----|------------|------------|-------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|-------------|--------------------|---------|
| | | | | | | | | Chính trị | Lý thuyết nghề | Thực hành nghề | Điểm TBTN | Xếp loại TN | | |
| 3 | 21T2OTO14 | Hồ Văn | Kiều | | 10/11/2005 | Nghệ An | 7.5 | 6.5 | 5.0 | 8.0 | 7.3 | Khá | Tốt | |
| 4 | 21T2OTO16 | Nguyễn Đình | Nguyên | | 19/07/2006 | Đồng Nai | 7.7 | 7.0 | 7.0 | 8.5 | 7.9 | Khá | Xuất sắc | |
| 5 | 21T2OTO17 | Đặng Trung | Nhân | | 12/09/2006 | Bình Phước | 7.5 | 7.5 | 7.0 | 8.5 | 7.8 | Khá | Tốt | |
| 6 | 21T2OTO18 | Võ Hoàng Minh | Nhật | | 31/03/2006 | Vĩnh Long | 6.8 | 7.5 | 7.0 | 7.0 | 6.9 | TB khá | Tốt | |
| 7 | 21T2OTO19 | Phạm Minh | Nhí | | 28/06/2006 | Bình Phước | 6.8 | 8.0 | 7.0 | 7.0 | 6.9 | TB khá | Tốt | |
| 8 | 21T2OTO22 | Mông Duy | Phú | | 08/02/2005 | Bình Phước | 6.6 | 8.0 | 7.5 | 8.0 | 7.2 | Khá | Tốt | |
| 9 | 21T2OTO24 | Vũ Ngọc | Sang | | 23/10/2006 | Bình Phước | 6.5 | 5.5 | 8.0 | 7.0 | 6.9 | TB khá | Tốt | |
| 10 | 21T2OTO25 | Lê Văn | Sơn | | 09/05/2004 | Bình Phước | 7.1 | 7.5 | 7.0 | 7.0 | 7.1 | Khá | Tốt | |
| 11 | 21T2OTO27 | Vòng Vĩnh | Toàn | | 28/09/2005 | Bình Phước | 7.1 | 7.5 | 7.0 | 7.0 | 7.1 | Khá | Tốt | |

Danh sách có 58 HS.

Muu